

Số: 151./CV-DLG

Gia Lai, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tường Cột

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2021;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 3 năm 2021;
- Công văn số 150./2021/CV-DLGL ngày 29/10/2021 về việc giải trình liên quan BCTC quý 3 năm 2021.

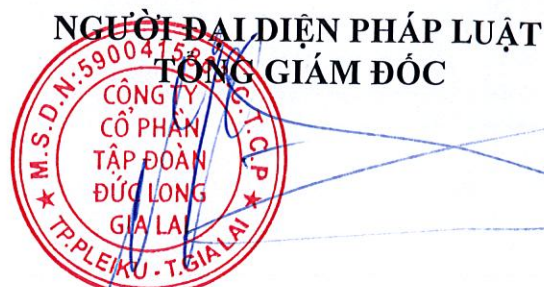
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/10/2021 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://duclonggroup.com/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2021;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 3 năm 2021;
- Công văn số 150./2021/CV-DLGL



NGUYỄN TƯỜNG CỘT



**Kính gửi :** Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 3 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai ;

Công ty xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, và lợi nhuận sau thuế tại BCTC hợp nhất chuyển từ lỗ ở báo cáo Quý 3 năm 2020 sang lãi ở báo cáo Quý 3 năm 2021 như sau :

**1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ:**

STT	CHỈ TIÊU	Quý 3		Chênh lệch	% Tăng/giảm
		Năm nay	Năm trước		
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	1.851.782.255	18.965.720.644	(17.113.938.389)	(90,2)
2	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	1.851.782.255	18.965.720.644	(17.113.938.389)	(90,2)
3	Giá vốn hàng bán	2.791.838.063	16.816.379.924	(14.024.541.861)	(83,4)
4	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	(940.055.808)	2.149.340.720	(3.089.396.528)	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	51.295.071.189	30.492.492.090	20.802.579.099	68,2
6	Chi phí tài chính	50.497.297.329	156.462.775.626	(105.965.478.297)	(67,7)
7	Chi phí bán hàng	50.458.935	94.869.896	(44.410.961)	(46,8)
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.266.965.355	134.037.771.176	(112.770.805.821)	(84,1)
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(21.459.706.238)	(257.953.583.888)	236.493.877.650	
10	Thu nhập khác	26.779.294	16.782.727	9.996.567	59,6
11	Chi phí khác	2.244.920.857	2.825.893.037	(580.972.180)	(20,6)
12	Lợi nhuận khác	(2.218.141.563)	(2.809.110.310)	590.968.747	(21,0)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.677.847.801)	(260.762.694.198)	237.084.846.397	(90,9)
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành				
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(23.677.847.801)	(260.762.694.198)	237.084.846.397	(90,9)

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ này lỗ 23,68 tỷ đồng, giảm lỗ 90,9% so với cùng kỳ năm 2020 do các nguyên nhân chính sau:

- Do dịch Covid-19 bùng phát đợt thứ 4 tại Việt Nam rất khốc liệt với biến chủng Delta cực kỳ nguy hiểm và kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, một số ngành nghề tạm ngừng hoạt động là nguyên nhân dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 17,11 tỷ đồng, tương ứng giảm 90,24% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu giảm, giá vốn trong kỳ cũng giảm nên lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với cùng kỳ năm 2020.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 20,80 tỷ đồng do Công ty điều chỉnh lãi suất cho vay theo thị trường.



- Chi phí tài chính giảm 105,97 tỷ đồng tương ứng giảm 67,73 %, do dư nợ gốc vay giảm và hoàn nhập khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính do thoái vốn các công ty con so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 112,77 tỷ đồng, do trích lập nợ phải thu khó đòi thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi phí khác giảm 580,97 triệu đồng do chi phí khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng giảm so với cùng kỳ năm 2020.

## 2. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

STT	CHỈ TIÊU	Quý 3		Chênh lệch	% Tăng/giảm
		Năm nay	Năm trước		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	395.214.463.977	477.622.269.349	(82.407.805.372)	(17,3)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	590.308.040	(46.845.274)	637.153.314	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	394.624.155.937	477.669.114.623	(83.044.958.686)	(17,4)
4	Giá vốn hàng bán	319.657.342.409	363.001.286.650	(43.343.944.241)	(11,9)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	74.966.813.528	114.667.827.973	(39.701.014.445)	(34,6)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	104.677.505.532	32.274.309.064	72.403.196.468	224,3
7	Chi phí tài chính	130.774.799.113	111.412.609.130	19.362.189.983	17,4
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(2.400.424)	(2.450.244)	49.820	(2,0)
9	Chi phí bán hàng	4.609.130.654	4.003.573.967	605.556.687	15,1
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.963.449.594	260.768.951.116	(202.805.501.522)	(77,8)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(13.705.460.725)	(229.245.447.420)	215.539.986.695	(94,0)
12	Thu nhập khác	2.169.228.289	2.193.053.761	(23.825.472)	(1,1)
13	Chi phí khác	2.210.742.709	3.382.601.505	(1.171.858.796)	(34,6)
14	Lợi nhuận khác	(41.514.420)	(1.189.547.744)	1.148.033.324	(96,5)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.746.975.145)	(230.434.995.164)	216.688.020.019	(94,0)
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.945.114.975	1.101.353.877	843.761.098	76,6
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(17.102.497.806)	22.194.383.975	(39.296.881.781)	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.410.407.686	(253.730.733.016)	255.141.140.702	

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN kỳ này lãi 1,41 tỷ đồng, tăng 255,14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020. Do các nguyên nhân chính như sau:

- Do dịch Covid-19 bùng phát đợt thứ 4 tại Việt Nam rất khốc liệt với biến chủng Delta cực kỳ nguy hiểm và kéo dài, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, một số ngành nghề tạm ngừng hoạt động là nguyên nhân dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm 82,41 tỷ đồng, tương ứng giảm 17,3%, đồng thời giá vốn hàng bán giảm 43,34 tỷ đồng so với kỳ năm 2020.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 72,40 tỷ đồng do điều chỉnh lãi suất cho vay theo thị trường và lãi từ thoái vốn Công ty con.

- Chi phí hoạt động tài chính tăng do trong kỳ phát sinh khoản lỗ thoái vốn Công ty con so với kỳ trước.

- Chi phí bán hàng tăng 605,56 triệu đồng do phát sinh tăng chi phí hoa hồng, vận chuyển tại Công ty con so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ giảm mạnh 202,81 tỷ đồng, do trích lập nợ phải thu khó đòi thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi phí khác trong kỳ giảm 1,17 tỷ đồng, do tại Công ty mẹ chi phí khấu hao tài sản cố định chưa sử dụng giảm so với cùng kỳ năm 2020.



- Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 843,76 triệu đồng, do tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại giảm 39,30 tỷ đồng, do loại trừ khoản hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư tài chính công ty mẹ vào các công ty con thoái vốn trong kỳ và hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi tại các Công ty con giảm so với cùng kỳ năm 2020.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN trong Quý 3 năm 2021 lãi số tiền: 1,4 tỷ đồng tăng 255 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước lỗ số tiền: 253,7 tỷ đồng.

### 3. Trình bày lại phương pháp lập lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp trên báo cáo tài chính riêng lẻ quý 3 năm 2021:

Để thuận lợi trong việc lập BCTC hợp nhất của Công ty và để người đọc hiểu rõ hơn về việc sử dụng dòng tiền tại Công ty. Công ty xin trình bày lại lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp trong quý 3 năm 2021.

Dưới đây là lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp trên báo cáo tài chính riêng lẻ trong quý 3 năm 2021 như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	30/09/2021 VND	30/09/2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>32.384.740.556</b>	<b>(521.054.430.230)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(150.160.476.903)</b>	<b>518.396.358.141</b>
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	17.203.025.267	17.278.853.395
- Các khoản dự phòng	03	(148.990.485.770)	467.225.458.488
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.020.232.402	2.013.079.653
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(150.871.578.128)	(106.924.447.323)
- Chi phí lãi vay	06	129.478.329.326	138.803.413.928
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. LN từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(117.775.736.347)</b>	<b>(2.658.072.089)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	158.519.592.706	187.374.154.492
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.722.648.344	(42.009.223.349)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(78.941.097.680)	(180.560.619.826)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11.124.741	333.212.991
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.822.031.722)	(6.834.062.001)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.700.000)	(50.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(217.050.000)	(11.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(29.511.249.958)</b>	<b>(44.415.809.782)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.403.838.585)	(1.338.293.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	21.087.109.232
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(203.141.774.777)	(901.860.411.288)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	179.040.396.789	1.087.990.211.281
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(232.915.610.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.134.147.508	106.218.787.614
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>89.628.930.935</b>	<b>79.181.793.203</b>



**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ đi vay	33	9.101.600.000	92.287.052.018
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.361.130.710)	(118.464.682.838)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(61.259.530.710)</b>	<b>(26.177.630.820)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.141.849.733)	8.588.352.601
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.609.663.982</b>	<b>13.534.697.168</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(20.123)	(8.019)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.467.794.126</b>	<b>22.123.041.750</b>

Trên đây là giải trình của Công ty về biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 3 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT.



Nguyễn Tường Cột